

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
I. BỐI CẢNH, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	4
1. Các chủ trương, chính sách lớn của Trung ương:	4
2. Các chủ trương, chính sách lớn của tỉnh Gia Lai:	6
PHẦN II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06	7
I. CHÍNH QUYỀN SỐ	7
1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý và tuyên truyền về chuyển đổi số:	7
2. Về hạ tầng số:	8
3. Phát triển nền tảng số, ứng dụng, dịch vụ số hỗ trợ xây dựng Chính quyền số:	9
4. Phát triển dữ liệu số:	11
II. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC	12
III. VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN, AN NINH MẠNG	13
IV. VỀ KINH TẾ SỐ.....	13
V. VỀ XÃ HỘI SỐ.....	14
VI. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ	15
1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp:	15
2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:	16
3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:	16
4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải:	18
5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, thương mại, ngân hàng:	18
6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch:	18
VII. VỀ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:.....	19
PHẦN III NỘI DUNG ĐỀ ÁN	21
I. QUAN ĐIỂM	21
II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC	22
1. Mục tiêu:	22
2. Nguyên tắc:	22
III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	22
1. Chuyển đổi nhận thức:	22
2. Xây dựng cơ chế, chính sách và nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số:	23
3. Phát triển hạ tầng, ứng dụng, nền tảng số và phát triển dữ liệu số:	23
4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng:	24
5. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số và Đô thị thông minh:	24
6. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số:	25
7. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số:	25
8. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số:	26
8.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:	26
8.2. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:	26
8.3. Lĩnh vực Du lịch:	26

8.4. Lĩnh vực Giao thông vận tải và hạ tầng logistics:	27
8.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:	27
8.6. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:	27
8.7. Hiện đại hóa Hệ thống thông tin cơ sở:.....	27
IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN	28
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	28
1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai:	28
2. Sở Thông tin và Truyền thông:	28
3. Công an tỉnh:	28
4. Sở Tài chính:	29
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:	29
6. Sở Khoa học và Công nghệ:.....	29
7. Sở Công Thương:	29
8. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:	29
9. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh-Truyền hình Gia Lai và các cơ quan truyền thông, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh:	30
10. Đề nghị các doanh nghiệp Viễn thông, công nghệ số:.....	30
VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	30
PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU, MŨI ĐỘT PHÁ CỦA ĐỀ ÁN	31

PHẦN I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. BỐI CẢNH, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin đã chuyển dịch thành chuyển đổi số. Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, "Chuyển đổi số đã trở thành động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số".

Thực tiễn và kết quả triển khai chuyển đổi số trong những năm gần đây đã cho thấy rõ hơn, sâu sắc hơn nội hàm và những kết quả mà chuyển đổi số mang lại:

- Chuyển đổi số là động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất; là nội hàm chính của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; là phương thức phát triển mới, có tính đột phá, để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

- Chuyển đổi số là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội và cả hệ thống chính trị; với trọng tâm ba trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số để xây dựng Việt Nam hiện đại thông qua chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường.

- Chuyển đổi số dựa trên hai nền tảng là hạ tầng số và dữ liệu số. Dữ liệu số là tài nguyên, là tư liệu sản xuất mới cần được khai thông, giải phóng tiềm năng để tạo ra giá trị mới, đưa vào thương mại hóa; được xác lập quyền sở hữu, định giá và phân phối. Chuyển đổi số phải luôn song hành với chuyển đổi xanh.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số; trong thời gian qua các cấp, các ngành, địa phương của tỉnh đã tích cực triển khai, đạt được nhiều kết quả lớn: Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi, trở thành công cụ thiết yếu trong hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; chuyển đổi số bước đầu đã đi vào cuộc

sống, trở thành công cuộc toàn dân, toàn diện, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; nhận thức và hành động về chuyển đổi số được chuyển biến tích cực, có sự lan tỏa ở các cấp, nhất là người đứng đầu; hạ tầng số, hạ tầng viễn thông không ngừng được đầu tư; các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu ngành, các nền tảng số được phát triển và khai thác.

Tuy chuyển đổi số bước đầu đã có thành công, nhưng chưa thực sự đồng bộ. Chất lượng, hiệu quả trong cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa cao. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình còn thấp. Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin được phát triển, tuy nhiên còn rời rạc, chưa hình thành nền tảng số quy mô lớn, dùng chung; dữ liệu đã hình thành, nhưng còn cát cứ, chưa kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả. Hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước chưa đảm bảo đáp ứng cho hoạt động của các nền tảng phục vụ Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số. Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số của tỉnh thời gian gần đây bị tụt hạng nhiều, chưa có sự đột phá, chuyển biến rõ nét. Nguy cơ về mất an toàn thông tin mạng còn tiềm ẩn rủi ro, thách thức; chưa đầu tư nguồn lực thích đáng, đặc biệt là việc thu hút nguồn nhân lực về công nghệ thông tin và an toàn thông tin, an ninh mạng.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024, tỉnh Gia Lai cần thiết phải xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số cho giai đoạn từ nay đến năm 2025, trong đó xác định các mũi đột phá, giải quyết các vấn đề này sẽ tạo ra những động lực chính thúc đẩy hoạt động và tạo đột phá trong chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó có kinh tế số, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Chính vì vậy, Đề án Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai được xây dựng nhằm xác định tầm nhìn, mục tiêu và tập trung những định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, đột phá; bảo đảm việc triển khai đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, địa phương; tạo chuyển biến mạnh mẽ, thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh, tạo ra nhiều tiện ích, dịch vụ, mang lại lợi ích thiết thực, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, hiệu quả hơn, tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số thành công.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các chủ trương, chính sách lớn của Trung ương:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn

2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06);

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 04/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2568 /QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên

bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

- Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0);

- Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH;

- Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 14/9/2024 về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

2. Các chủ trương, chính sách lớn của tỉnh Gia Lai:

- Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 05/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành về phê duyệt Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai "Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia";

- Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai năm 2023 và các năm tiếp theo.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

I. CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý và tuyên truyền về chuyển đổi số:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 921/CTHD-UBND ngày 12/5/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU.

- Trên cơ sở các kế hoạch của Trung ương, các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TU, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hơn **30** quyết định, kế hoạch, văn bản quan trọng nhằm hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số ở địa phương. Trong đó lồng ghép công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức quán triệt Nghị quyết 04-NQ/TU và Chương trình hành động số 921/UBND-CTHD do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các Sở, ban, ngành và Đoàn thể, UBND các huyện, thị, xã, thành phố và UBND cấp xã bằng hình thức trực tuyến từ tỉnh đến xã; với sự tham dự của khoảng **500** đại biểu ở tất cả các điểm cầu.

- Các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở của tỉnh đã có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số. Các cơ quan, đơn vị, địa phương bằng nhiều hình thức tuyên truyền, đăng tải thông tin, bài viết nhằm hướng dẫn, phổ biến các quy định, các nền tảng, các ứng dụng, tiện ích, hiệu quả, lợi ích, kết quả đạt được về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình để thực hiện tuyên truyền **37** tin, bài, video clip về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, các nội dung này đã được Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình Gia Lai đăng tải trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook; Tittok,... để thông tin, tuyên truyền đến người dân.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia
- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức chương trình bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2024. Chương trình tập huấn kỹ năng số được tổ chức theo hình thức trực tiếp tại UBND huyện Krông Pa kết hợp trực tuyến tại UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Qua đó, đã thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số; thông tin những tiện ích của ứng dụng VneID; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, giới thiệu chữ ký số; mua sắm trực tuyến, thanh toán trực tuyến, ...

- Tuy nhiên, nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, nhất là lãnh đạo ở một số cơ quan, đơn vị về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chưa đầy đủ, xem nhiệm vụ này là của cơ quan chuyên trách. Một số cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; trách nhiệm thực hiện của một số đơn vị, địa phương chưa được thực hiện tốt. Công tác tuyên truyền, phổ biến về ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính chưa sâu rộng, chưa thể hiện vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương. Kinh phí đầu tư cho phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp còn hạn chế so với yêu cầu phát triển của công nghệ.

- Theo quy định mới của Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; một số hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải thay đổi quy trình thực hiện (chưa kịp phê duyệt trước thời gian hiệu lực của Nghị định; Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định). Do vậy, một số hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong năm 2024 có thể sẽ bị chậm trễ hoặc không thể triển khai trong năm 2024.

2. Về hạ tầng số:

- Hầu hết CBCCVC được trang bị máy tính, 100% cơ quan hành chính nhà nước có mạng nội bộ, kết nối mạng diện rộng (WAN) và Internet băng thông rộng. Mạng lưới cáp quang đã kết nối đến trung tâm 100% xã, 1.472/1.576 thôn, làng, tổ dân phố, đạt 93,4%; phủ sóng (3G, 4G) đến 100% các thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành đăng ký địa chỉ IPv6 và số hiệu mạng (ASN) cho hệ thống thông tin của tỉnh, trong đó có Cổng thông tin điện tử, phân hệ Cổng Dịch vụ công của tỉnh (thuộc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính).

- Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu (tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai) cung cấp hạ tầng kỹ thuật vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được duy trì hoạt động thường xuyên.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã triển khai đồng bộ đến tất cả các trung tâm cấp xã phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến cấp xã.

- Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đã được triển khai cấp cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân để ký số trong giao dịch điện tử, tích hợp với hệ thống Quản lý văn bản và điều hành để ký số và xác thực văn bản điện tử.

- Các sở, ban, ngành liên quan đang rà soát theo Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ để hoàn thiện Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông của tỉnh.

- Trung tâm dữ liệu tỉnh (Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở TT&TT quản lý, vận hành) đã được đầu tư từ năm 2009, nâng cấp năm 2015 và hằng năm được bổ sung một khoản kinh phí nhất định, chủ yếu là để mở rộng đơn vị máy chủ và năng lực lưu trữ đáp ứng nhu cầu tức thời mà chưa tính đến tầm nhìn lâu dài. Do vậy, hệ thống không đồng bộ, chỉ đáp ứng một phần nhu cầu về sử dụng hạ tầng của tỉnh. Hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương chưa được đầu tư, nâng cấp kịp thời, thiếu tính đồng bộ, một số phòng ban, đơn vị còn sử dụng các dòng máy tính cũ, có hiệu suất thấp, xử lý công việc chậm, không đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện nay và trong thời gian tới.

- Điều kiện tiếp cận các dịch vụ số của người dân còn khó khăn; tỷ lệ có thiết bị máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet, tỷ lệ thiết bị bảo đảm kết nối, sử dụng các nền tảng số còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc ngừng sử dụng công nghệ 2G (tắt sóng 2G) cũng tác động lớn đến người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Phát triển nền tảng số, ứng dụng, dịch vụ số hỗ trợ xây dựng Chính quyền số:

- Tỉnh đã công bố danh sách các nền tảng số ưu tiên sử dụng trên địa bàn tỉnh năm 2022 và những năm tiếp theo để ưu tiên sử dụng phục vụ phát triển Chính quyền số; triển khai phổ biến Danh sách nền tảng số do các bộ, ngành triển khai trên toàn quốc để sở, ngành, địa phương khai thác, tránh triển khai trùng lặp, lãng phí.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đã triển khai kết nối để khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư, phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến khai thác dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư; đồng thời, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), Cổng Dịch vụ công quốc gia và tiếp tục bổ sung các dịch vụ kết nối theo yêu cầu của Trung ương. Các ứng dụng trong nội bộ (Hệ thống một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công,...) thông qua mạng WAN, Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được kết nối thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Các sở, ban, ngành ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Ngoài ra, một số sở, ngành, đơn vị của tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu phục vụ chuyên môn.

- Tỉnh đã triển khai, đưa Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai vào hoạt động trong năm 2024. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh đang triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Triển khai sử dụng các Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn hệ thống thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng; đề nghị Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông) hỗ trợ tỉnh triển khai Trợ lý ảo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

- Tỉnh đã triển khai việc hợp nhất Cổng Dịch vụ công tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Gia Lai, đáp ứng yêu cầu cơ bản theo quy định; các cơ quan nhà nước đã đưa vào sử dụng thử nghiệm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (hệ thống mới) từ ngày 01/7/2024.

- Tất cả thủ tục hành chính của tỉnh được cung cấp trên phân hệ Cổng dịch vụ công tỉnh. Cổng dịch vụ công cũng được triển khai thử nghiệm trợ lý ảo giúp tra cứu, giải đáp thắc mắc các thủ tục hành chính công của tỉnh.

- Các nhiệm vụ theo Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh” tiếp tục được tích cực triển khai: UBND thành phố Pleiku đã đầu tư xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành (sau thời gian thực hiện thí điểm) và cung cấp một số dịch vụ đô thị thông minh (như: Phản ánh hiện trường, giám sát trật tự đô thị, giám sát giao thông,...) bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực; hoàn thành việc xây dựng Trung tâm Giám sát điều hành thông minh, triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông, hệ thống giám sát an toàn thông tin, hệ thống quản lý chiếu sáng... Đang triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, phát huy hiệu quả triển khai.

- Phần mềm “Quản lý giao việc” của UBND tỉnh đã được xây dựng tích hợp vào hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đang dùng chung trên toàn tỉnh. Công khai các trang thông tin điện tử thống kê tình hình xử lý công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

- Phân hệ giải quyết thủ tục hành chính (Một cửa điện tử) triển khai đến tất cả các sở, ngành, UBND cấp huyện, xã. Hệ thống cũng được tích hợp với các hệ thống của Trung ương, tiếp tục duy trì việc kết nối với nền tảng NGSP.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai (<https://gialai.gov.vn>) hiện đang triển khai, phát triển theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; đã thực hiện khai báo, cấu hình và kích hoạt hỗ trợ IPv6. Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện đều thiết lập trang thông tin điện tử cung cấp tương đối đầy đủ thông tin theo quy định. Các Cổng/Trang thông tin điện tử đều hoạt động ổn

định, cơ bản đã duy trì việc đưa tin, bài tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động của tỉnh, huyện, giới thiệu tiềm năng thế mạnh của địa phương, đơn vị mình. Đối với UBND cấp xã cũng đã thiết lập trang thông tin thành phần trên trang thông tin cấp. Tuy nhiên việc cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của một số UBND cấp xã vẫn còn ít, thiếu thông tin...

- 100% UBND cấp huyện, xã đã xây dựng kênh Zalo OA để tăng cường kênh thông tin, tuyên truyền đến người dân. Tính năng tra cứu hồ sơ cũng được tích hợp với ứng dụng Zalo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ của công dân, tổ chức và cung cấp chức năng tiếp nhận, trả lời các phản ánh kiến nghị.

- Tuy nhiên các nền tảng số chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội còn thiếu. Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ chuyển đổi số đã được đầu tư từ lâu, chậm chuyển đổi, chưa đáp ứng kịp thời theo chỉ đạo của Trung ương và nhu cầu chuyển đổi số hiện nay. Chưa triển khai nền tảng Trợ lý ảo để phục vụ cán bộ, công chức, viên chức.

- Các ứng dụng, dịch vụ số còn ít, cục bộ; chưa có các ứng dụng dùng chung nhằm tự động hóa quy trình, giảm thiểu khả năng sai sót, hỗ trợ phát triển Chính quyền số, nhất là trong thống kê, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo.

4. Phát triển dữ liệu số:

- Tỉnh đã ban hành Danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở, làm cơ sở để các đơn vị tổ chức triển khai, chia sẻ dữ liệu.

- Các sở, ban, ngành ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Một số ngành (Công Thương, Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải...) đã triển khai thử nghiệm các hệ thống CSDL ngành. Ngoài ra, một số sở, ngành, đơn vị của tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng các CSDL phục vụ chuyên môn:

- + Sở Nội vụ đã triển khai thử nghiệm hệ thống CSDL quản lý cán bộ, công chức, viên chức do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông (VNPT) hỗ trợ.

- + Sở Khoa học và Công nghệ cũng triển khai thu thập thông tin, số hoá cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ tỉnh Gia Lai, cơ sở dữ liệu tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ; đưa vào hoạt động hệ thống WebGIS cơ sở dữ liệu cây thuốc tỉnh Gia Lai.

- + Sở Tài nguyên và Môi trường đang tiếp tục triển khai xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai (giai đoạn 2022-2024); hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Gia Lai (không bao gồm cơ sở dữ liệu địa chính) xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu, Cổng thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh và kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch.

+ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên phân hệ Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Cổng dịch vụ công của tỉnh với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đã hoàn thành việc kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an để phục vụ việc khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tuy nhiên, nhiều cơ sở dữ liệu triển khai còn chậm; cơ sở dữ liệu các ngành còn rời rạc, phân tán, các sở vận hành sử dụng từ phần mềm, hệ thống của các Bộ, ngành Trung ương và chưa ban hành hướng dẫn kết nối chia sẻ dữ liệu với địa phương. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế, vướng mắc, hiệu quả phát huy chưa cao. Dữ liệu không tập trung, chủ yếu ở dưới dạng file điện tử, một số cơ sở dữ liệu ngành chưa kết nối được với cơ sở CSDL dân cư. Kho dữ liệu dùng chung chưa được xây dựng, chưa có nền tảng bóc tách dữ liệu tự động (OCR), chưa cung cấp dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp dẫn đến khó khăn trong việc khai thác, sử dụng.

II. VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

- Tỉnh Gia Lai đã kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, hằng năm, Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch hoạt động theo kế hoạch của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Tất cả các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đều đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số để theo dõi, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số của đơn vị, địa phương mình.

- Trong các cơ quan nhà nước cấp sở, huyện phần lớn đã bố trí công chức chuyên trách, kiêm nhiệm được đào tạo về công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ tham mưu công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng. Thường xuyên được bồi dưỡng cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng theo kế hoạch hằng năm của tỉnh và các chương trình bồi dưỡng do Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục An toàn thông tin tổ chức.

- Thành lập hơn **1.600** Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) tại 17/17 huyện, thị xã, thành phố và 220/220 xã, phường, thị trấn với hơn **5.000** thành viên là cán bộ ban tự quản và hội đoàn thể các thôn, bản, làng, tổ dân phố nhằm hỗ trợ người dân trong tiếp cận công nghệ số, tham gia vào quá trình chuyển đổi số của địa phương. Các thành viên của Tổ CNSCĐ được bồi dưỡng, tập huấn về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số, được hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số theo chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan (Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Báo Gia Lai...) hằng năm đều tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh và Hội thi tin học khối cán

bộ, công chức, viên chức trẻ. Đây là hoạt động nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và khuyến khích, động viên việc học tập, nghiên cứu của thanh thiếu niên, học sinh trong tỉnh, góp phần phổ cập, nâng cao trình độ công nghệ thông tin trong nhân dân.

- Tuy nhiên, nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh, nhất là đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở các cơ quan nhà nước còn thiếu và yếu, thường xuyên biến động; cán bộ, công chức cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Vẫn còn một số ít đơn vị, địa phương chưa bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; nhân lực phát triển kinh tế số hầu như chưa có. Việc thu hút, giữ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin gặp nhiều khó khăn do chưa có chính sách ưu đãi, tỉnh chưa có chế độ hỗ trợ cho các thành viên Tổ CNSCĐ.

III. VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN, AN NINH MẠNG

- Các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử cơ bản được đảm bảo về an toàn thông tin, đã được phê duyệt cấp độ, triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo đúng quy định; duy trì kết nối giám sát của hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (tại Trung tâm tích hợp dữ liệu) với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Định kỳ hằng năm, tổ chức 01 khóa bồi dưỡng, tập huấn và diễn tập thực chiến an toàn thông tin, ứng cứu sự cố đối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thường xuyên được quan tâm; tăng cường triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng; đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới thông tin trong dịp lễ, tết, sự kiện lớn, quan trọng của tỉnh, của đất nước.

- Tỉnh đã xây dựng lực lượng tại chỗ, kiện toàn, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và duy trì hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh. Cơ quan chuyên trách an toàn thông tin của tỉnh là thành viên có trách nhiệm, tích cực và hiệu quả của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Theo đánh giá của Bộ TT&TT, trong nhiều năm tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm B (nhóm Khá) về an toàn thông tin.

- Tuy nhiên, nhận thức của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhất là lãnh đạo ở một số đơn vị, địa phương về an toàn thông tin chưa đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức công tác này, nhất là nguy cơ mất an toàn thông tin đang gia tăng như hiện nay. Đội ngũ cán bộ phụ trách an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị còn thiếu, cần được thường xuyên đào tạo, tập huấn chuyên sâu. Kinh phí đầu tư cho đảm bảo an toàn thông tin còn hạn chế, chủ yếu là mua sắm duy trì bản quyền phần mềm chống virus, thiết bị bảo mật, chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định.

IV. VỀ KINH TẾ SỐ

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh Gia Lai năm 2023 chiếm

6,66% (Số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố).

- Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1.000 dân dưới 0,3; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT) chiếm 1,82% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; tỷ lệ doanh nghiệp nền tảng số chiếm 0,93%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số chiếm 67,41%; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử chiếm 8,15%; tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100% (Số liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông thống kê).

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ ước đạt 8,5%; hơn 20% các doanh nghiệp có giao dịch thương mại điện tử; 100% doanh nghiệp của tỉnh đã thực hiện khai thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm, các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông cơ sở phân phối hiện đại chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ người tiêu dùng; tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định là 157/220 chiếm 66,53%.

- Nhìn chung, kinh tế số phát triển chưa cao, tỷ lệ đóng góp vào GRDP còn thấp. Số lượng các doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế, hiện nay chỉ có 04 doanh nghiệp công nghệ số lớn gồm: Viettel Gia Lai, Viễn thông Gia Lai, MobiFone Gia Lai, FPT Telecom Gia Lai; các doanh nghiệp công nghệ số khác hầu hết là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoặc chỉ kinh doanh (mua, bán) các thiết bị công nghệ thông tin. Hoạt động chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp vẫn còn chậm; tiếp cận các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa nhiều (công tác phối hợp, vận động tuyên truyền còn chưa tốt; bên cạnh đó quy trình hỗ trợ còn phức tạp, nên không thu hút được sự tham gia của doanh nghiệp).

V. VỀ XÃ HỘI SỐ

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại đạt 93,26 TB/100 dân; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 69,4%; tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định đạt 10,10 TB/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình có băng rộng cố định đạt 63,5%; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 64,8 TB/100 dân; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 77,89%; tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động, thiết bị thông minh đạt khoảng 67,6% dân số trưởng thành; tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt dưới 10,2%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp tài khoản định danh, xác thực điện tử (VNeID) 70,1% (890.819/1.270.626); tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản VNeID 54,95% (698.271/1.270.626); tỷ lệ công dân có thẻ căn cước công dân/căn cước gắn chip trên tổng số công dân đủ điều kiện đạt 97,11% (1.233.953/1.270.626); tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 68%; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) đạt 1,66%

(21.049/1.270.626).

- Kỹ năng số của người dân trên địa bàn tỉnh còn chưa cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến, đọc sách trực tuyến... còn thấp; người dân chưa quan tâm đúng mức đến việc tự bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng.

VI. CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp:

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh đã triển khai sử dụng có hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai ⁽¹⁾

- Lĩnh vực Trồng trọt: trên địa bàn tỉnh đã hình thành được 18 vùng sản xuất có tính chất công nghệ cao với tổng diện tích 3.489,6 ha, tập trung vào các sản phẩm chính như: Bơ, sầu riêng, thanh long, ổi, hồ tiêu, cà phê, rau hoa, dược liệu². Có 32 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 03 doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Công ty TNHH MTV Hương Đất An Phú, Công ty Cổ phần chè Bàu Cạn, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp).

- Lĩnh vực Chăn nuôi: Công nghệ IoT, công nghệ sinh học được áp dụng rộng ở trang trại chăn nuôi quy mô lớn; trong đó 93 dự án đã được UBND tỉnh Gia Lai cấp quyết định chủ trương đầu tư³ đều chú trọng theo hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao trong triển khai các dự án.

- Lĩnh vực Phòng chống thiên tai: Hiện đang khai thác sử dụng Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam của Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

- Lĩnh vực Lâm nghiệp: Ứng dụng công nghệ GIS và ảnh viễn thám để xây dựng các phần mềm phát hiện sớm và cảnh báo cháy rừng từ ảnh vệ tinh, phần mềm cảnh báo cháy rừng, giám sát và phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng,...

- Về thủy lợi, nước sạch và phòng chống thiên tai: Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu trong quản lý khai thác các công trình thủy lợi; xây dựng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực phòng,

¹ Phần mềm cơ sở dữ liệu mùa vụ trồng rừng phục vụ sản xuất; Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0; Phần mềm cơ sở dữ liệu về quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Gia Lai (theo dõi, quản lý, cập nhật thông tin các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói); Cơ sở dữ liệu quản lý chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; dữ liệu phục vụ phân tích và dự báo thị trường nông sản; Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp (theo dõi diễn biến rừng); Phần mềm phát hiện sớm cháy rừng HostportGla trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Hệ thống báo cáo dịch bệnh trực tuyến (VAHIS); Cập nhật và bổ sung các CSDL dùng chung lĩnh vực Lâm nghiệp gồm: CSDL thông tin về cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; CSDL thông tin về bản đồ 3 loại rừng; CSDL khung giá rừng...

² 14 vùng trồng cây ăn quả; 01 vùng trồng hồ tiêu giống và thương phẩm; 01 vùng trồng cà phê được chứng nhận theo tiêu chuẩn Organic USDA; 01 vùng sản xuất giống rau hoa và rau hoa; 01 vùng sản xuất dược liệu.

³ Tổng diện tích 2.646,02 ha, tổng vốn đăng ký 10.904,98 tỷ đồng; 138 dự án đang xin chủ trương với tổng diện tích 7.119 ha, tổng vốn đăng ký 14.471,66 tỷ đồng. Hiện có 38 dự án đã đi vào hoạt động.

chống thiên tai; hệ thống giám sát phòng chống thiên tai; ứng dụng công nghệ số phục vụ tham mưu, chỉ đạo, điều hành.

- Về Chương trình OCOP: Đến nay đã có 230 sản phẩm OCOP được bán trên các sàn thương mại điện tử Vở Sò (voso.vn), sàn thương mại điện tử của Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam, SnartGAP, KiotVIET, Sendo,... 100% các sản phẩm OCOP đã được gắn tem truy xuất nguồn gốc sử dụng mã QRCode.

2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó xác định 04 trọng tâm: phát triển hạ tầng kỹ thuật, triển khai các phần mềm ứng dụng, dịch vụ; quản lý, quản trị và đảm bảo an toàn thông tin và phát triển nhân lực trong ngành.

- Tiếp tục khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu của ngành trong dạy, học và công tác quản lý; thực hiện tuyển sinh đầu cấp qua dịch vụ công trực tuyến tại các cấp học; triển khai cung cấp dịch vụ tra cứu kết quả thi tốt nghiệp THPT qua ứng dụng Zalo (chuyên mục Chính quyền điện tử) để tạo thuận tiện cho thí sinh tra cứu, giảm tải áp lực cho các hệ thống công bố kết quả thi. Các cơ sở giáo dục thực hiện việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục và Đào tạo (<https://csdl.gialai.edu.vn>); xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Triển khai mô hình “Trường học thông minh” ở 7 cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Pleiku và thí điểm hệ thống E-learning tại Trường THPT chuyên Hùng Vương⁴ và mô hình “Trường học không tiền mặt”.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã lồng ghép vào chương trình đào tạo, các môn học liên quan tới kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho học viên. Đẩy mạnh sử dụng các phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cập nhật, khai thác, sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp của Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp triển khai⁵.

3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:

- Triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn (<https://donthuocquocgia.vn>) và tổ chức tập huấn cho toàn bộ các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh (23 cơ sở điều trị công lập, 03 Bệnh viện tư nhân và 04 Trung tâm y tế Cao su đứng chân trên địa bàn); thực hiện liên thông đơn thuốc quốc gia, liên thông dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử phục vụ Đề án 06.

- Triển khai mô hình điểm “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công

⁴ Theo Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”

⁵ Phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp csdl.gdnn.gov.vn; Trang thông tin tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng Chọn nghề trên thiết bị di động tuyensinh.gdnn.gov.vn; Trang thông tin tra cứu văn bằng giáo dục nghề nghiệp vanbang.gdnn.gov.vn.

dân (CCCD) gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID”: Tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh (250/250 cơ sở triển khai khám bệnh) đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng CCCD gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID. Một số Bệnh viện, Trung tâm Y tế đang triển khai Kiosk y tế thông minh trong khám, chữa bệnh.

- Nền tảng Quản lý tiêm chủng: 100% người dân được cập nhật dữ liệu trên nền tảng sau khi thực hiện tiêm chủng tại các cơ sở y tế; cung cấp cho người dân công cụ đăng ký, phản ánh, tra cứu thông tin về tiêm chủng.

- Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa: Sở Y tế đã triển khai trang bị Hệ thống hội nghị truyền hình cho 06 bệnh viện tuyến tỉnh và 100% Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố để các đơn vị tham gia Hội chẩn, khám chữa bệnh từ xa với các Bệnh viện tuyến trên. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã triển khai Hệ thống tư vấn, khám chữa bệnh từ xa (*Telehealth, từ năm 2019*) với các bệnh viện tuyến Trung ương như: Bệnh viện Tim Hà Nội, Bệnh viện Trung ương Huế. Bệnh viện Nhi triển khai Telehealth (*tự trang bị các thiết bị đầu cuối*) với Bệnh viện Nhi đồng I, Bệnh viện Nhi đồng II. Tần suất sử dụng Telehealth tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, trung bình thực hiện 01 lần/02 tuần; việc trả chi phí thực hiện là do Bệnh viện Đa khoa tỉnh chi trả, chưa tính vào viện phí của bệnh nhân. Tuy nhiên, việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn, do nền tảng công nghệ chưa đáp ứng và các cơ sở y tế chưa chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để thực hiện.

- Nền tảng Trạm Y tế xã: Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin Y tế cơ sở quản lý các nghiệp vụ của Trạm Y tế bao gồm dân số kế hoạch hóa gia đình; khám bệnh chữa bệnh; quản lý tiêm chủng; quản lý bệnh truyền nhiễm; quản lý bệnh không lây nhiễm; quản lý chăm sóc sức khỏe sinh sản; quản lý uống vitamin A; quản lý phòng, chống HIV/AIDS; quản lý phòng, chống suy dinh dưỡng; quản lý phòng, chống tai nạn thương tích; quản lý thông tin tử vong; quản lý truyền thông, giáo dục sức khỏe; quản lý vệ sinh môi trường; quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm; báo cáo thống kê. Năm 2023, 100% các Trạm Y tế đã triển khai quản lý thông tin tiêm chủng và ứng dụng quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế.

- Triển khai Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, một số đơn vị đã triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện 331; Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Pleiku, Phú Thiện, Đak Đoa, Kbang, Chư Prông, Chư Păh, ... và tại 03 Bệnh viện tư nhân: Đại học Y dược - HAGL, Mắt Cao Nguyên và Mắt Quốc tế Sài Gòn – Gia Lai. Bên cạnh đó vẫn còn một số Trung tâm Y tế tuyến huyện chưa triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt như: Đức Cơ, Ia Pa, Ayun Pa, Krông Pa, Chư Sê, Mang Yang, ... Việc ứng dụng thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt

phát sinh giao dịch từ 10% trở lên tại các bệnh viện: Bệnh viện 331, Bệnh viện Đại học Y dược -HAGL, Bệnh viện Mắt Quốc tế Sài Gòn – Gia Lai, Bệnh viện Mắt Cao Nguyên.

4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giao thông vận tải:

- Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ, liên thông giữa Hệ thống dịch vụ công trực tuyến vận tải đường bộ và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý và Hệ thống LGSP của Bộ Giao thông vận tải (GTVT). Dữ liệu về giấy phép lái xe thường xuyên được duy trì, cập nhật; đã thực hiện đồng bộ gần 600.000 dữ liệu về GPLX về Cục Đường bộ Việt Nam để quản lý và công khai thông tin trên trang thông tin giấy phép lái xe tại địa chỉ: <https://gplx.gov.vn> để tổ chức, cá nhân biết, khai thác thông tin; bảo đảm trên 95% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; cơ sở dữ liệu về vận tải từng bước được cập nhật qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tải đường bộ (do Bộ GTVT triển khai); cơ sở dữ liệu GIS đã được tích hợp trên cổng thông tin địa lý của tỉnh.

- Thực hiện việc kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; liên thông dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe (đến nay đã có 16 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công bố đủ điều kiện khám sức khỏe lái xe và thực hiện liên thông dữ liệu).

5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính, thương mại, ngân hàng:

Triển khai, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin của Bộ Tài chính: Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS), Tra cứu giao dịch dở dang, Kho thu chi ngân sách nhà nước, Trao đổi thông tin, Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách, mã số dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Tổng hợp thông tin tính chỉ số ICT index, Phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm nước sạch nông thôn. Các hệ thống thông tin phục vụ công tác chuyên môn do Sở Tài chính quản lý như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phần mềm quản lý tài sản công tỉnh Gia Lai, phần mềm Hệ thống quản lý tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai các giải pháp thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là trong các cơ sở giáo dục, y tế.

6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch:

- Cổng thông tin du lịch của tỉnh (gialaitourism.vn) đã được triển khai, cung cấp nhiều thông tin về du lịch của tỉnh, tích hợp ứng dụng thực tế ảo (VR360) và cung cấp ứng dụng trên các thiết bị di động để tạo thuận tiện cho du khách tham quan.

- Ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch cũng triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin du lịch và cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; thực hiện báo cáo qua phần mềm thống kê của Tổng cục Du lịch (thongke.tourism.vn). Hiện nay, có khoảng 80 doanh nghiệp tham gia cập nhật số liệu, dữ liệu trên hệ thống Cổng thông tin điện tử; ứng dụng du lịch thông minh và cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch; đã tổ chức hỗ trợ hướng dẫn trực tiếp tại 25 doanh nghiệp du lịch cập nhật cơ sở dữ liệu, để các đơn vị, tổ

chức du lịch phát huy tối đa hiệu suất và hiệu quả hoạt động của Công du lịch thông minh tỉnh Gia Lai; tổ chức tập huấn cho 150 doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số trong du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Ngân hàng dữ liệu tên đường và tên công trình công cộng tỉnh Gia Lai: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 02/9/2021 về việc ban hành Cơ sở dữ liệu tên đường và công trình công cộng tỉnh Gia Lai.

VII. VỀ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH:

- Ban hành hơn 100 văn bản tiếp tục triển khai, đôn đốc, kiểm tra và giao các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện 133 nhiệm vụ của Đề án 06 trong năm 2024. Trong đó, 43 nhiệm vụ đã hoàn thành, 90 nhiệm vụ thường xuyên và đang triển khai, không có nhiệm vụ không hoàn thành.

- Toàn tỉnh có 995 Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) một phần (*tỷ lệ 54%*) và 856 DVCTT toàn trình (*tỷ lệ 46%*) được tích hợp trên Cổng dịch vụ công tỉnh và tích hợp 759/1.205 DVCTT lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đối với 76 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06, Quyết định 422/QĐ-TTg, Quyết định số 206/QĐ-TTg, đến nay, đã hoàn thành tích hợp, cung cấp 45/76 TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ người dân sử dụng DVCTT luôn đạt trên 60%, trong đó, một số TTHC nổi bật, hiệu quả, tỷ lệ sử dụng cao như: Cấp đổi, cấp lại Giấy phép lái xe; Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học; Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông; ... giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân, giảm thiểu tình trạng có mồi, môi giới.

- Triển khai các điều kiện tổ chức cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID theo tiến độ triển khai của Bộ Tư pháp, Bộ Công an. Hiện Sở Thông tin và Truyền Thông, Sở Tư pháp đang phối hợp Cục Công nghệ thông tin (Bộ Tư pháp) kiểm thử quy trình kết nối hoàn chỉnh giữa Một cửa điện tử và phần mềm Lý lịch tư pháp thử nghiệm.

- Triển khai cao điểm 100 ngày, đêm “Nâng cao hiệu quả sử dụng DVC” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, qua đó điểm đánh giá bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh đã tăng từ mức yếu năm 2023 lên mức khá trong 6 tháng đầu năm 2024 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tính đến hết ngày 08/10/2024, tỉnh Gia Lai đạt 72,8 điểm, xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố, 11/17 địa phương cấp huyện có điểm đánh giá xếp loại Tốt, 06/17 địa phương xếp loại Khá (Không Pa, Ia Pa, An Khê, Chư Sê, Chư Pưh, Đức Cơ).

- Về tiện ích phát triển kinh tế, xã hội: Các sở, ngành, địa phương tiếp tục phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư, Căn cước công dân (CCCD), định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

+ *Ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư:* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Gia Lai phối hợp các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã (*gọi tắt là các tổ chức tín dụng - TCTD*) tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền về xã sản phẩm cho vay tín chấp không

tài sản đảm bảo của các TCTD trên địa bàn tỉnh để người dân biết, tiếp cận, sử dụng.

+ *Ứng dụng nền tảng CCCD gắn chip*: 100% cơ sở khám, chữa bệnh (252/252 cơ sở) triển khai khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (BHYT) bằng CCCD gắn chip hoặc qua ứng dụng VNeID; tra cứu 887.476 lượt thông tin thẻ BHYT, 656.226 lượt tra cứu thành công. Số lượng thẻ CCCD gắn chip được đồng bộ với thẻ BHYT còn hiệu lực để đi khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip là 1.656.141 thẻ.

+ *Trong lĩnh vực y tế*: Kê đơn thuốc điện tử, liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe và chuyển dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam phục vụ triển khai 02 DVC liên thông giúp giảm chi phí đi lại cho người dân, thuận lợi cho công tác quản lý của nhà nước.

+ *Trong lĩnh vực thuế*: 100% doanh nghiệp khai thuế, nộp thuế bằng phương thức điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử; 90% tổng số hộ kinh doanh được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử. Triển khai hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu; đẩy mạnh giải pháp triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

+ *Việc triển khai các mô hình điểm của Đề án 06 và học tập kinh nghiệm triển khai của thành phố Hà Nội*: Tổ chức đào tạo trực tuyến trên nền tảng MOOC; tổ giác tội phạm qua VNeID; số hóa tạo lập dữ liệu trên nền CSDL quốc gia về dân cư; thành phố Pleiku triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại cơ sở lưu trú, cơ sở khám chữa bệnh; Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Bộ Công an triển khai chuẩn hóa, xác thực tập trung (SSO) thông qua CSDL quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh điện tử; ... Căn cứ 19 mô hình của thành phố Hà Nội, tỉnh Gia Lai đang triển khai 15/19 mô hình, cụ thể: Xây dựng Sổ sức khỏe điện tử; KIOSK khám chữa bệnh; Học bạ số tiểu học; Chi trả an sinh xã hội, lương hưu, bảo hiểm xã hội không dùng tiền mặt; Số hóa hộ tịch; Xây dựng dữ liệu đất đai; ...

- Về an ninh, an toàn: Rà soát, lập danh sách 1.342 tài khoản đăng ký khai thác CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, hoàn chỉnh hồ sơ cam kết theo đúng quy định trước khi cấp quyền khai thác dữ liệu dân cư; kiểm tra tổng thể các hệ thống, thiết bị đầu cuối và tiến hành kiểm tra định kỳ đối với quy trình nghiệp vụ, thao tác của cán bộ các ngành tra cứu, xác thực thông tin công dân từ CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Hiện còn 225 TTHC chưa được đơn giản hóa tại 01 Luật, 16 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch, 20 Thông tư theo 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ; 31/76 TTHC chưa hoàn thành tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg, Quyết định số 422/QĐ-TTg, Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chưa được triển khai nên địa phương chưa triển khai thực hiện.

- Điểm đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ còn chưa đạt yêu cầu, nhiều đơn vị có điểm đánh giá thấp. Việc tái sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTHC theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần còn rất hạn chế, chỉ có 515 hồ sơ (tỷ lệ 0,10%).

- Tỷ lệ người dân sử dụng các tiện ích do chuyển đổi số, Đề án 06 mang lại còn thấp, chưa đạt được kết quả như kỳ vọng như: không dùng tiền mặt trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, chi trả an sinh xã hội, sử dụng các DVCTT, ... một số mô hình Đề án 06, học tập kinh nghiệm của TP. Hà Nội triển khai còn chậm.

- Tiến độ xây dựng, cập nhật, làm sạch, chuẩn hóa một số dữ liệu còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ: CSDL hộ tịch, CSDL đất đai, người lao động, thuế, BHXH, BHYT, dữ liệu các tổ chức hội, đoàn thể, ...

- Nhận thức trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức về chuyển đổi số, Đề án 06 tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương đôi lúc còn hạn chế, các nhiệm vụ chưa đảm bảo thực hiện đúng phương châm “rõ mục tiêu, rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ kết quả”.

PHẦN III NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Phù hợp với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, các chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Đề án 06. Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động 921/UBND-CTHD ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU và các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

2. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài gắn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh. Phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số có mối quan hệ chặt chẽ với nhau; trong đó chính quyền số đóng vai trò dẫn dắt, tạo nền móng cơ bản, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số. Chuyển đổi số trong giai đoạn từ nay đến hết năm 2025 cần tạo ra sự đột phá trong hoạt động, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ, sức cạnh tranh của nền kinh tế

3. Chuyển đổi nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và hành động đồng bộ ở các cơ quan, đơn vị,

địa phương, sự tham gia tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân là yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công của Đề án.

4. Lấy người dân là trung tâm của chuyển đổi số, xác định các lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả để ưu tiên chuyển đổi số trước.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC

1. Mục tiêu:

Phấn đấu đến hết năm 2025, tạo được chuyển biến rõ nét, đột phá trong chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế số của tỉnh; là tiền đề, động lực thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Nguyên tắc:

- Phù hợp với chương trình, kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Đề án 06 và các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số khác của ngành, địa phương. Bảo đảm đồng bộ với các chương trình, chiến lược của quốc gia, ngành, lĩnh vực về chuyển đổi số để tránh trùng lặp, lãng phí, tối ưu nguồn lực triển khai.

- Khắc phục được các hạn chế, khó khăn hiện tại, đảm bảo kế thừa và phát huy những thành quả đã đạt được trong quá trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, thiết thực, tiết kiệm và hiệu quả.

- Bảo đảm tính khả thi và có thể được triển khai ngay dựa trên nhu cầu thực tiễn và theo khuôn khổ pháp lý hiện hành mà không cần phải sửa đổi thể chế và chính sách.

- Gắn với bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng nhằm hạn chế nguy cơ lộ, mất bí mật nhà nước, thông tin nội bộ và dữ liệu tổ chức, cá nhân người dùng trên không gian mạng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi nhận thức:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đặc biệt là người đứng đầu các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương về vai trò và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, chủ động tiên phong, đi đầu, sáng tạo trong triển khai các giải

pháp chuyển đổi số. Đổi mới phương thức, tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; phân công nhiệm vụ thực hiện, phải rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả gắn với kiểm tra, đánh giá, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Duy trì các chuyên mục về Chuyển đổi số trên các trang thông tin, công, các phương tiện thông tin đại chúng. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số tại tỉnh nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách và nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số:

- Đẩy nhanh quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan, nhằm kịp thời triển khai các nhiệm vụ, dự án theo đúng tiến độ và đúng quy định của pháp luật. Xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0 để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ phát triển Chính quyền số của tỉnh.

- Trước mắt, tập trung nhân lực, ưu tiên trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột phá, gắn với phân công rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm đi đôi với khen thưởng, động viên kịp thời. Về lâu dài, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để đội ngũ này trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

3. Phát triển hạ tầng, ứng dụng, nền tảng số và phát triển dữ liệu số:

- Phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, ưu tiên theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính quyền số và dữ liệu trong Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Gia Lai. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu, triển khai Cổng dữ liệu để cung cấp dữ liệu mở của tỉnh trên môi trường số.

- Đẩy mạnh triển khai giải pháp tự động hóa quy trình số hóa, bóc tách thông tin văn bản hành chính, lưu trữ, quản lý, chia sẻ khai thác dữ liệu dùng chung cho các hệ thống thông tin của các đơn vị, địa phương. Phục vụ công tác kết nối, tích hợp, quản lý, khai thác dữ liệu dùng chung; cung cấp các dịch vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, góp phần phát triển Chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh.

- Ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu một số chuyên ngành, nhằm quản lý tập trung, thống nhất và được chia sẻ, đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ

ngành, góp phần phát triển Chính quyền số, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển thương mại điện tử, hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số của tỉnh.

- Tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh về Kho dữ liệu dùng chung, cung cấp dữ liệu mở. Phát triển nguồn dữ liệu lớn, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối chia sẻ phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng:

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phê duyệt.

- Rà soát hiện trạng, đầu tư trang thiết bị, phần mềm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao nhằm nâng cao năng lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; ưu tiên cho các hệ thống thông tin dùng chung, phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số, người dân và doanh nghiệp, công tác đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động, nâng cấp, mở rộng năng lực của hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần của chuyển đổi số.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, các doanh nghiệp. Kiện toàn, duy trì hoạt động và tập huấn, nâng cao kỹ năng cho Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh. Tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin thực hiện định kỳ hằng năm.

5. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số và Đô thị thông minh:

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trong giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính người dân, doanh nghiệp không tiếp xúc với cơ quan nhà nước trong giải quyết các thủ tục hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ.

- Triển khai, nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh, trong đó chú trọng các hệ thống thông tin báo cáo, thống kê về kinh tế - xã hội, hợp không giấy tờ, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, các hệ thống ứng dụng chuyên ngành đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu về giáo dục, y tế và các nhu cầu thiết thực khác để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Nâng cấp, bổ sung các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh theo Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”. Triển khai thử nghiệm và đánh giá quá trình triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, phát huy hiệu quả trước khi triển khai chính thức.

- Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức trong xử lý công việc.

6. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số:

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đầu tư và đặt trụ sở tại Gia Lai. Đổi mới sáng tạo ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nền tảng dữ liệu số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ chuyển đổi số.

- Phát triển thương mại điện tử (TMĐT), tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp TMĐT với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; tổ chức các chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng TMĐT dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ, đưa các sản phẩm của hộ kinh doanh cá thể, các hộ nông dân lên quảng bá trên môi trường mạng; hướng dẫn, hỗ trợ bán, mua hàng online; hỗ trợ mở các tài khoản thanh toán trực tuyến.

- Phát triển hạ tầng số phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số từ xa để thực hiện ký kết hợp đồng điện tử thông qua môi trường mạng.

7. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số:

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng thông qua các khóa tập huấn, đào tạo trực tuyến, các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thay đổi thói quen hành vi về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng Chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp, tạo môi trường thuận lợi để giúp người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu, như: sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, việc làm, các tiện ích thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ... nâng cao chất lượng cuộc sống và mang lại sự hài lòng cho người dân.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân,

doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ và khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử lớn trong và ngoài nước; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, OCOP của tỉnh.

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà và các Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai hiệu quả Chương trình Viên thông công ích trên địa bàn tỉnh; nâng cao tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh, từng bước phổ cập điện thoại di động thông minh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng cho tất cả người dân.

8. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số:

Lựa chọn ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số phải chú trọng tới việc triển khai các giải pháp nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực tạo ra các phát triển đột phá về công nghệ, nhất là công nghệ số và áp dụng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Ưu tiên, tập trung nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, mang lại các giá trị lớn, thiết thực và có hiệu quả ngay cho người dân, doanh nghiệp, xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

8.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế:

Phát triển nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế của tỉnh kết nối liên thông, đồng bộ với Bộ Y tế; phát triển nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ xa; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử. Nhân rộng mô hình bệnh viện thông minh; các cơ sở khám chữa bệnh đều sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; thanh toán viện phí điện tử và đơn thuốc điện tử. Thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân đến từng hộ gia đình gắn với chuyển đổi số, bảo đảm liên thông khi khám chữa bệnh, thực hiện hướng dẫn phòng ngừa và chữa bệnh ngay từ gia đình.

8.2. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả các phòng học, trường học thông minh đã đầu tư. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, học tập và tuyển sinh; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai, đưa vào sử dụng hiệu quả dự án Xây dựng hệ thống E-learning cho các trường học (07 trường học còn lại) theo nhiệm vụ của Đề án xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh.

8.3. Lĩnh vực Du lịch:

Số hóa các di tích, hiện vật, nhóm hiện vật, cổ vật quý hiếm, có giá trị tiêu

biểu tại bảo tàng trên địa bàn tỉnh. Phát triển công nghệ số phục vụ hoạt động du lịch thông minh (bản đồ số du lịch, thẻ du lịch thông minh,...), hình thành sản phẩm du lịch số bằng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường, từng bước hình thành nền tảng số Du lịch thông minh; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và du khách dễ dàng hoạch định kế hoạch, tour, tuyến tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu, sở thích.

8.4. Lĩnh vực Giao thông vận tải và hạ tầng logistics:

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giao thông vận tải và chia sẻ cho các cơ quan có nhu cầu sử dụng thông qua trực tích hợp dữ liệu LGSP của tỉnh, tiến tới chia sẻ cho người dân và doanh nghiệp thông qua cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Triển khai Hệ thống báo tin nhắc thời hạn đổi Giấy phép lái xe (GPLX), kết nối dữ liệu phần mềm hệ thống GPLX với hệ thống báo tin nhắc thời hạn đổi GPLX để thực hiện tin nhắc nhắc thời hạn đổi GPLX. Hệ thống giúp người dân theo dõi, nhắc thời hạn đổi GPLX đúng hạn, tránh việc sử dụng GPLX không đúng quy định và phải sát hạch lại để được cấp, đổi GPLX theo quy định, làm mất thời gian, chi phí trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

8.5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:

Đẩy nhanh triển khai dự án cơ sở dữ liệu về đất đai của tỉnh, đến năm 2025 đảm bảo đưa vào khai thác sử dụng; triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành (cơ sở dữ liệu về: quan trắc tài nguyên và môi trường; viễn thám...) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

8.6. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

- Nghiên cứu phối hợp triển khai Hệ thống quản lý thông tin ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai, giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ của các cơ quan nhà nước một cách dễ dàng và tiết kiệm thời gian, đồng thời, tăng cường việc kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo quy trình xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh để triển khai Mô hình thí điểm “Xã nông thôn mới thông minh xã Biển Hồ”.

8.7. Hiện đại hóa Hệ thống thông tin cơ sở:

- Triển khai đưa vào hoạt động Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin nguồn Trung ương góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là ở cấp cơ sở.

- Xây dựng các đài truyền thanh cấp xã, chuyển đổi sang ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.

(Có danh mục nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án do các cơ quan nhà nước thực hiện từ ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng ngân sách, được bố trí trong dự toán ngân sách của tỉnh, ngân sách hằng năm của các sở, ngành, địa phương. Các sở, ngành, địa phương cân đối, bố trí nguồn ngân sách phù hợp tương xứng để thực hiện Đề án; lồng ghép kinh phí từ các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan; huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội, các nguồn lực doanh nghiệp và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai:

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Đề án Chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu triển khai Đề án, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh (định kỳ hằng quý hoặc lồng ghép trong các báo cáo liên quan hoặc khi có yêu cầu); đề xuất cập nhật, bổ sung các nội dung Đề án khi cần thiết, đáp ứng tình hình thực tế.

- Phối hợp, hỗ trợ và tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Đề án do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện; Phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nếu vượt thẩm quyền.

Định kỳ hằng tháng tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh (thời gian báo cáo trước ngày 25 hằng tháng) và đề xuất tổ chức họp để chỉ đạo, tháo gỡ.

3. Công an tỉnh:

- Là đơn vị đầu mối, chủ trì tham mưu triển khai các bài học kinh nghiệm thành công từ Đề án 06, áp dụng cho Đề án Chuyển đổi số, đảm bảo đồng bộ, gắn liền với triển khai Đề án 06 của tỉnh.

- Chủ trì, tham mưu hoạt động của Tiểu ban An toàn an ninh mạng tỉnh; phối hợp, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung

ương và quy định pháp luật.

4. Sở Tài chính:

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở Kế hoạch chuyển đổi số đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, khả năng cân đối ngân sách và dự toán được lập theo đúng quy định của các sở, ban, ngành, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các nhiệm vụ Đề án theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có).

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

Đề xuất, tham mưu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng công nghệ số hoặc tích hợp cùng các công nghệ khác phục vụ sản xuất và đời sống. Chủ trì triển khai các hoạt động khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; đẩy mạnh tìm kiếm, thu thập và phổ biến thông tin về hoạt động đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số.

7. Sở Công Thương:

Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử để phục vụ các hoạt động kinh doanh, sản xuất của người dân, doanh nghiệp. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ doanh nghiệp đưa các sản phẩm của hộ kinh doanh cá thể, các hộ nông dân lên quảng bá trên môi trường mạng; hướng dẫn, hỗ trợ bán, mua hàng online; hỗ trợ mở các tài khoản thanh toán trực tuyến.

8. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình chuyển đổi số của các Bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Đề án này, khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, địa phương theo Đề án. Trong đó yêu cầu xác định rõ nội dung, lộ trình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ gắn với trách nhiệm từng đơn vị đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể kết quả triển khai thường xuyên, có tính định kỳ để kiểm tra, đôn đốc kịp thời.

- Chủ động phối hợp với cơ quan liên quan, rà soát đánh giá và đề xuất cập nhật sửa đổi danh mục nhiệm vụ, dự án theo tình hình, nhu cầu thực tiễn; ưu tiên bố trí nguồn lực, kinh phí theo quy định của pháp luật để triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm; hoàn thành và thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

- Định kỳ hằng tháng (trước ngày 20) hoặc đột xuất khi có yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện, các vướng mắc, khó khăn, đề xuất.

9. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai và các cơ quan truyền thông, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh:

Truyền thông đồng bộ, toàn diện bằng nhiều hình thức trên các kênh thông tin, ấn phẩm để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về Đề án chuyển đổi số của tỉnh, vai trò của chuyển đổi số tạo sự ủng hộ, đồng thuận tham gia của nhân dân trong tỉnh để triển khai đồng bộ, mang lại hiệu quả.

10. Đề nghị các doanh nghiệp Viễn thông, công nghệ số:

- Phối hợp, hỗ trợ tổ chức các khóa/lớp đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, chuyển đổi số cho cán bộ nòng cốt về chuyển đổi số của tỉnh và người dân.

- Căn cứ Đề án chuyển đổi số, Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai hằng năm và nhu cầu của các đơn vị, địa phương để chủ động triển khai các nhiệm vụ phối hợp theo thỏa thuận hợp tác. Chủ động liên hệ, giới thiệu giải pháp, nền tảng số tới các sở, ban, ngành, địa phương; giới thiệu, tư vấn các dịch vụ, sản phẩm, giải pháp, nền tảng số hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Gia Lai chuyển đổi số. Cử chuyên gia phối hợp, hỗ trợ trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Việc xác định được quan điểm, nguyên tắc, nhận thức, mục tiêu sẽ tạo được sự đồng thuận, thống nhất quyết tâm của cả hệ thống chính trị để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, nhất là giai đoạn từ nay đến năm 2025.

- Các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án được các sở, ban, ngành, địa phương đề xuất phù hợp với chủ trương, định hướng của Bộ, ngành Trung ương và thực tiễn của đơn vị, địa phương mình nên đủ khả năng xây dựng phương án triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong Đề án.

- Đánh giá trên nhiều phương diện từ định hướng, thực trạng, nhu cầu của các đơn vị, địa phương của tỉnh, phù hợp với định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số; Đề án đã xác định tính tất yếu để xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, tạo động lực để đột phá về chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay. Với mục tiêu, lộ trình thực hiện rõ ràng kết hợp sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp, từng địa phương sẽ giúp cho việc kiểm tra, giám sát được dễ dàng.

- Chuyển đổi số là công việc đòi hỏi phải có sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội, do đó, cần phải được triển khai đồng bộ, có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ rộng khắp. Tuy nhiên tỉnh Gia Lai còn nhiều khó khăn, nguồn lực còn hạn chế, Chính quyền tỉnh Gia Lai rất mong nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành Trung ương và sự đồng hành của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của Đề án, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội an toàn./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU, MŨI ĐỘT PHÁ CỦA ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
1.	Thuê dịch vụ Kho dữ liệu số dùng chung và Nền tảng phân tích dữ liệu tỉnh Gia Lai	Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung tỉnh.	- Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. - Quyết định 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030	Sở TT&TT	2025-2027	20.044 (Vốn sự nghiệp)	7.393	
2.	Thuê dịch vụ Công dữ liệu mở	Cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân; kết nối với Công dữ liệu mở quốc gia.	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý kết nối chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước; trong đó có yêu cầu:	Sở TT&TT	2025-2027	7.094 (Vốn sự nghiệp)	3.288	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
			Xây dựng và triển khai kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm kế hoạch công bố dữ liệu mở.					
3.	Triển khai nền tảng trợ lý ảo (AI)	Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp	Hiện nay, số liệu kinh tế - xã hội của tỉnh trải rộng trên nhiều lĩnh vực, số liệu đa dạng, văn bản pháp luật liên quan rất nhiều... việc tra cứu thường rất mất thời gian. Do đó, triển khai nền tảng trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức để tận dụng thế mạnh của công nghệ AI, giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp là hết sức cần thiết.	Sở TT&TT	Tháng 12/2024	Thử nghiệm	Thử nghiệm	
4.	Vận hành hệ thống “Giám sát trật tự an toàn xã hội”	Duy trì hoạt động Hệ thống giám sát Trật tự an toàn xã hội đầu tư qua 02 giai đoạn 2022	Hệ thống giám sát Trật tự an toàn xã hội đã đầu tư các licence phần mềm phòng	Công an tỉnh	2025	2.199,72 (Vốn sự nghiệp)	2.199,72	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
		- 2023 và 2024 -2025 gồm: 46 camera, 01 hệ thống trung tâm điều khiển và giám sát tại Công an tỉnh, 01 hệ thống trung tâm giám sát tại Công an thành phố Pleiku.	chống mã độc và dịch vụ kênh truyền, Internet chỉ có thời hạn 01 năm, Cần tiếp tục gia hạn để bảo đảm an toàn thông tin và duy trì kết nối mạng phục vụ vận hành hệ thống					
5.	Mua sắm trang thiết bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ	Mục tiêu thực hiện: Mua sắm trang thiết bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng trinh sát kỹ thuật nghiệp vụ.	Xây dựng lực lượng Kỹ thuật nghiệp vụ Công an tỉnh tiến thẳng lên hiện đại theo mục tiêu đề ra tại Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 20/9/2022 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong	Công an tỉnh	2025	16.180 (Vốn sự nghiệp)	7.879	Kinh phí còn lại (8.301 triệu đồng) đưa vào nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
			tình hình mới.					
6.	Nâng cấp, mở rộng hệ thống kiểm soát an ninh tại Quảng trường Đại Đoàn Kết thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Nhằm hiện đại hóa công tác tuần tra, kiểm soát an ninh, hỗ trợ lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo theo dõi diễn biến, phát hiện, ngăn chặn và xử lý mọi hoạt động tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật; truy vết các đối tượng vào khu vực bên trong mục tiêu bảo vệ Quảng trường Đại Đoàn Kết được quy định tại Nghị định 39/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã	Khoản 36 Danh mục kèm theo Nghị định 39/2021/NĐ-CP quy định “Công trình Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai” là mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ. Khoản 4 điều 9 Nghị định 37/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 1 Nghị định 39, quy định như sau: “Cơ quan có mục tiêu được bố trí lực lượng Cảnh sát nhân dân vũ trang canh gác bảo vệ có	Công an tỉnh	2025	6.200 (Vốn sự nghiệp)	6.200	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
		hội do lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan; phục vụ giám sát liên tục ngày đêm người, thiết bị và xe đi qua quảng trường góp phần bảo vệ an ninh an toàn khu vực quảng trường, công viên cũng như phòng chống tội phạm; ghi lại các hình ảnh, truyền tin hiệu camera được thiết lập trên môi trường mạng nội bộ phục vụ công tác giám sát. Có khả năng tích hợp được các hệ thống giám sát đã triển khai và mở rộng đầu tư sau này; khả năng kết nối các thiết bị giám sát mới tiên tiến, hiện đại; khả năng kết nối và chia sẻ	trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xây dựng, lắp đặt vọng gác, thiết bị phục vụ công tác vũ trang canh gác bảo vệ mục tiêu của lực lượng Cảnh sát nhân dân; trang bị cơ sở vật chất, thiết bị bảo vệ gắn liền mục tiêu; ứng dụng công nghệ khoa học - kỹ thuật phục vụ bảo vệ an ninh, an toàn mục tiêu”.					

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
		dữ liệu với các cơ sở dữ liệu trong và ngoài ngành Công an.						
7.	Đề án Thương mại điện tử Quốc gia: Chuỗi sự kiện “Thương mại điện tử Gia Lai - Kết nối và phát triển”	Phát triển Thương mại điện tử, phát triển Kinh tế số để thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Thương mại điện tử là một phần không thể thiếu của Kinh tế số; Phát triển thương mại điện tử là xu thế tất yếu và cần thiết trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và của doanh nghiệp	Sở Công Thương	2025	1.275 (Vốn sự nghiệp)	1.275	Ngân sách Trung ương: 892,5 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 382,5 triệu đồng
8.	Hệ thống báo tin nhắn thời hạn đổi GPLX	Kết nối dữ liệu phần mềm hệ thống GPLX với hệ thống báo tin nhắn thời hạn đổi GPLX để thực hiện tin nhắn nhắc thời hạn đổi GPLX	Hệ thống giúp người dân theo dõi, nhắc thời hạn đổi GPLX đúng hạn, tránh việc sử dụng GPLX không đúng quy định và phải sát hạch lại để được cấp, đổi GPLX theo quy định, làm mất thời gian, chi phí trong quá trình giải quyết thủ tục	Sở Giao thông vận tải	2025	Không	Không	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
			hành chính					
9.	Hạ tầng Công nghệ thông tin hướng tới Bệnh án điện tử	Bệnh viện không sử dụng giấy tờ	Đáp ứng theo Thông tư 54/2017/TT-BYT và theo 83 tiêu chí của Bộ Y tế	Bệnh viện nhi (Sở Y tế)	2025	10.475,622 (Vốn sự nghiệp)	4.000	Kinh phí còn lại (10.975,471 triệu đồng) đưa vào nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024
10.	Thuê hệ thống phần mềm Quản lý bệnh viện HIS; Thuê hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh Y khoa PACS; Thuê hệ thống phần mềm Bệnh án điện tử EMR	Bệnh viện không sử dụng giấy tờ	Đáp ứng theo Thông tư số 54/2017/TT-BYT và theo 83 tiêu chí của Bộ Y tế, Thông tư số 46/2018/TT-BYT của Bộ Y tế.	Bệnh viện nhi (Sở Y tế)	2025-2026	4.481,795 (Vốn sự nghiệp)		
11.	Triển khai Bệnh án điện tử thay thế Bệnh án giấy tuân thủ quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-	Triển khai các phần mềm: - Phần mềm Khám chữa bệnh (HIS) Đáp ứng tối thiểu mức 6 các tiêu chí quy định tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT của	- Triển khai Bệnh án điện tử thay thế Bệnh án giấy đáp ứng lộ trình tại Thông tư số 46/2018/TT-BYT của Bộ Y tế. - Đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư	Trung tâm y tế Thành phố Pleiku (Sở Y tế)	2025-2029	8.365,928 (Vốn sự nghiệp)	1.545	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
	BYT của Bộ Y tế. Tại Trung tâm y tế Thành phố Pleiku	Bộ Y tế. - Phần mềm quản lý xét nghiệm (LIS), Phần mềm quản lý hình ảnh và TDCN (RIS/PACS) đạt mức nâng cao - Phần mềm bệnh án điện tử (EMR) - Nhóm phần mềm quản lý điều hành đạt mức nâng cao - Ứng dụng Thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt	số 54/2017/TT-BYT của Bộ Y tế. - Đáp ứng Mô hình 6, 7 của Đề án 06					
12.	Xây dựng công thông tin điện tử ngành y tế và các đơn vị điều trị trên địa bàn thành phố Pleiku, tích hợp hệ thống lấy số tự động qua mạng, đăng ký khám	- Xây dựng Công thông tin điện tử ngành y tế. - Xây dựng Hệ thống đặt lịch khám trực tuyến - y bạ điện tử, gồm các chức năng: Đặt lịch hẹn khám bệnh trực tuyến, cung cấp các chức năng đề người bệnh đăng ký lịch khám bệnh trực	- Triển khai Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025 - Đáp ứng Kế hoạch số 2150/KH-UBND ngày 17/09/2024 về việc” triển khai Đề án phát triển Hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030”	Sở Y tế	2025-2027	1.997 (Vốn sự nghiệp)	727	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
	chữa bệnh qua mạng	tuyển; nhận kết quả khám bệnh điện tử: Cung cấp các chức năng để người bệnh nhận kết quả khám, chữa bệnh điện tử của đợt khám bệnh; thông tin cá nhân và người thân; hồ sơ khám chữa bệnh của cá nhân và người thân; tiếp nhận bệnh nhân hẹn trực tuyến: Cung cấp các chức năng để bệnh viện thực hiện tiếp nhận lịch hẹn trực tuyến và phản hồi cho người dân, ...						
13.	Xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá hệ thống di sản văn hoá	Bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành giá trị di tích và phát huy giá trị di tích lịch sử phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát triển cộng đồng	Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính Phủ; Văn Quyết định số 4249/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Công văn số 2765/BTTTT- CĐSQG ngày	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2025	950 (Vốn sự nghiệp)	950	

Số TT	Tên nhiệm vụ, mũi đột phá	Mục tiêu thực hiện, kết quả đạt được	Sự cần thiết phải thực hiện	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
		cur dân nơi có di tích, đặc biệt là góp phần thúc đẩy phát triển, quảng bá du lịch của địa phương ra bên ngoài. Giúp các cấp quản lý nhanh chóng nắm bắt được các dữ liệu về di tích hỗ trợ quá trình đưa ra các chính sách, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích hiệu quả nhất.	15/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố danh sách nền tảng số do các bộ, ngành triển khai trên toàn quốc để địa phương khai thác, tránh triển khai trùng lặp và các Văn bản có liên quan					
TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN						79.263,065	35.456,720	